

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW); Kế hoạch hành động số 12-KH/TU, ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Ban Thường vụ Đảng ủy xã xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW như sau:

I. MỤC ĐÍCH

1. Quán triệt và cụ thể hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW

Bảo đảm toàn Đảng bộ và hệ thống chính trị xã nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội; cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư; Nghị quyết số 71/NQ-CP, ngày 01/4/2025 của Chính phủ, Nghị quyết số 226/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hải Phòng,... phù hợp với điều kiện thực tế của xã. Người đứng đầu phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; cán bộ, đảng viên phải gương mẫu thực hiện; tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thống nhất nhận thức, tạo quyết tâm chính trị cao

Giúp cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và Nhân dân xã có cùng tầm nhìn, đồng thuận trong triển khai; khơi dậy tinh thần chủ động, sáng tạo ở các ngành, lĩnh vực, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong tổ chức thực hiện.

3. Phát huy tiềm năng, thế mạnh của xã

Xác định các lĩnh vực ưu tiên phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số dựa trên lợi thế của xã; thúc đẩy các đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư, nhân tài vào địa bàn xã.

4. Góp phần vào phát triển bền vững

Thực hiện tốt Kế hoạch hành động để xã đóng góp vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của

Thành phố; nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, tăng cường quốc phòng - an ninh.

II. YÊU CẦU

1. Bám sát các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW

Toàn bộ nội dung Kế hoạch hành động phải thống nhất với tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW và các quy định, hướng dẫn của cấp trên, đồng thời phải kế thừa những kết quả, chương trình, đề án liên quan đã có của xã.

2. Quán triệt sâu sắc, kế thừa và phát huy các kết quả, kinh nghiệm

Nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vai trò đột phá của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; kế thừa các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan đã và đang triển khai của xã.

3. Xác định đúng phương thức, không hình thức, không dàn trải

Xác định thể chế, cơ chế chính sách là yếu tố dẫn dắt, chuyển đổi số là công cụ hỗ trợ quan trọng; triển khai thực hiện theo nguyên tắc thí điểm, đánh giá kết quả trước khi nhân rộng. Tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên có thể tạo ra kết quả mang tính đột phá phù hợp với điều kiện của xã.

4. Xác định các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể phù hợp với thẩm quyền

Các nhiệm vụ, giải pháp phải phù hợp với điều kiện thực tế và thẩm quyền của xã; bảo đảm tính khả thi, lộ trình rõ ràng, phân công trách nhiệm cụ thể.

5. Bảo đảm tính khả thi, lộ trình rõ ràng, phân công trách nhiệm cụ thể

Các chỉ tiêu, nhiệm vụ phải gắn với thời hạn thực hiện; nêu cụ thể đơn vị đầu mối chủ trì và đơn vị phối hợp. Phân bổ nguồn lực phù hợp với từng nhiệm vụ, tránh đầu tư dàn trải, lãng phí.

6. Xác định các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo từng giai đoạn 05 năm

Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp gắn với kết quả, sản phẩm cụ thể; có cơ chế, công cụ đo lường, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện phù hợp với năng lực, điều kiện thực tế của xã.

7. Đồng bộ, phối hợp chặt chẽ, liên thông trong toàn hệ thống chính trị

Huy động sự tham gia của các tổ chức đảng, đoàn thể, doanh nghiệp và toàn xã hội vào quá trình thực hiện. Thiết lập cơ chế phối hợp hiệu quả giữa cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

8. Tăng cường giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả, báo cáo kịp thời

Coi trọng vai trò giám sát của Ban Thường vụ Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban Kiểm tra, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; báo cáo Ban Chỉ đạo kịp thời đối với các hoạt động quan trọng và tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện. Phát hiện sớm những khó khăn, vướng mắc, kịp thời xử lý hoặc kiến nghị xử lý, tháo gỡ, đưa ra các giải pháp hiệu quả để đạt được các mục tiêu, yêu cầu của kế hoạch đặt ra.

9. Bảo đảm công khai, minh bạch, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đi kèm với trách nhiệm giải trình

Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân. Thông tin, dữ liệu, quyết định liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số cần được công khai tối đa; từng cơ quan, cá nhân chịu trách nhiệm giải trình về kết quả thực hiện. Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực xã hội nói chung, đặc biệt là nguồn ngân sách Nhà nước; ưu tiên các nhiệm vụ cấp thiết, dự án có tính lan tỏa và hiệu quả cao.

10. Kết hợp chặt chẽ giữa mục tiêu trước mắt và lâu dài

Vừa giải quyết những yêu cầu cấp bách (cải cách hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ công...), vừa có tầm nhìn dài hạn (đến 2030, 2035, 2045) trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

11. Đẩy mạnh tuyên truyền, tạo sự đồng thuận và phát huy sáng tạo của toàn xã hội

Phổ biến rộng rãi mục tiêu, lộ trình, cách làm; khuyến khích Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, đội ngũ trí thức tham gia, đóng góp sáng kiến, nguồn lực. Xây dựng phong trào thi đua trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; kịp thời biểu dương, khen thưởng các mô hình tiêu biểu.

12. Tập trung, quyết liệt, hiệu quả, tiết kiệm, khả thi

Triển khai Nghị quyết một cách quyết liệt, đồng bộ, thống nhất; mọi giải pháp, chương trình, dự án cần tính toán khả năng triển khai, hiệu quả kinh tế - xã hội; ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực trọng điểm, có tính lan tỏa, tạo ra giá trị gia tăng cao không dàn trải, hình thức và theo phong trào. Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, phân công trách nhiệm, xác định thời hạn thực hiện.

13. Đảm bảo tinh thần chủ động, tư duy năng động, sáng tạo

Chủ động triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW phù hợp với điều kiện thực tế của xã. Khuyến khích tư duy đổi mới, cách làm sáng tạo, mạnh dạn thử nghiệm các mô hình, công nghệ, giải pháp mới.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Nâng cao năng lực nội sinh, sức cạnh tranh của kinh tế xã thông qua đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng trong sản xuất.

- Thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp; khơi dậy tinh thần sáng tạo và thu hút nguồn lực chất lượng cao.

- Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả, thực hiện hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của tổ chức, cơ quan đảng, nhà nước trên môi trường số, dựa trên dữ liệu đồng bộ, liên thông; triển khai thực hiện các dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng các tiện ích số thuận lợi cho người dân, tạo đột phá trong cải cách hành chính, quản trị công và phát triển bền vững.

- Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, từng bước nâng cao chất lượng sống của người dân.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy tiềm lực sáng tạo của mọi tầng lớp Nhân dân, thúc đẩy liên kết khu vực góp phần vào mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực, đồng thời là mục tiêu phát triển bền vững kinh tế-xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến hết năm 2025

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn xã đạt $\geq 60\%$.
- Có $\geq 60\%$ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s.

- Xây dựng hệ thống an ninh mạng cơ bản cho các hệ thống thông tin của xã.

b) Phát triển nguồn lực

- Phân đầu đạt 0,5% tổng chi ngân sách xã chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- 80% cán bộ, công chức xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.

- 80% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.

- 80% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Có $\geq 75\%$ cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên.

- Có $\geq 70\%$ cơ sở giáo dục mầm non đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên.

- Có $\geq 90\%$ cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số.

- Có $\geq 80\%$ cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp khoa học, kỹ thuật, công nghệ, toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học.

c) Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

- Viết và ứng dụng sáng kiến kinh nghiệm, có sản phẩm khoa học kỹ thuật cấp Thành phố (các trường THCS thực hiện): 01 sản phẩm.

- Có $\geq 15\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.

d) Phát triển chuyển đổi số

- Có $\geq 70\%$ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính trong phạm vi Thành phố.

- Có 100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.

- Có $\geq 70\%$ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.

- Có $\geq 80\%$ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.
- Có 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- Có $\geq 70\%$ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- Có $\geq 30\%$ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số.
- Có $\geq 70\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID).
- Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử.

2.2. Đến hết năm 2030

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn đạt 100%.
- 100% người sử dụng có khả năng truy cập băng thông rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s.

b) Phát triển nguồn lực

- Phân đầu bố trí 1% tổng chi ngân sách xã hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.
- 100% cán bộ, công chức xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.
- 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.
- 90% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.
- Có $\geq 95\%$ cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên.
- Có $\geq 90\%$ đối với các cơ sở giáo dục mầm non đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên.
- Có 100% cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số; cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số.
- Có 100% cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên triển khai các chương trình giảng dạy về kỹ năng số cho học sinh phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT, ngày 24/01/2025 về khung năng lực số cho người học.
- Có $\geq 95\%$ các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo vào các môn học và hoạt động giáo dục.
- Có $\geq 85\%$ cơ sở giáo dục trung học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo hoạt động thường xuyên.
- Có 100% cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp khoa học, kỹ thuật, công nghệ, toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học.

c) Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

- Viết và ứng dụng sáng kiến kinh nghiệm, có sản phẩm khoa học kỹ thuật cấp Thành phố (Các trường THCS thực hiện): 03 sản phẩm/năm.

- Ứng dụng AI, IoT, Big Data,... trong quản lý môi trường, giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng sống của người dân.

- Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt >40% trong tổng số doanh nghiệp.

- Có $\geq 30\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.

d) Phát triển chuyển đổi số

- Có 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và Thành phố, giữa các cấp chính quyền.

- 100% giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.

- Có $\geq 85\%$ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Có $\geq 60\%$ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số.

- Có $\geq 85\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID), tỷ lệ người dân có chữ ký số $\geq 10\%$.

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử.

2.3. Đến hết năm 2035

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 50%.

b) Phát triển nguồn lực

- Đạt trên 1% tổng chi ngân sách xã hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- 100% cán bộ, công chức xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.

- 95% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Có 100% cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên;

- Có $\geq 95\%$ đối với các cơ sở giáo dục mầm non đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên.

- Có $\geq 95\%$ cơ sở giáo dục trung học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo hoạt động thường xuyên.

c) Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

- Viết và ứng dụng sáng kiến kinh nghiệm, có sản phẩm khoa học kỹ thuật cấp Thành phố (Các trường THCS thực hiện): 05 sản phẩm/năm.

- Có $\geq 50\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.

d) Phát triển chuyển đổi số

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- Có $\geq 95\%$ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- Có $\geq 85\%$ doanh nghiệp dụng công nghệ số.
- Có $\geq 95\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử, tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số đạt 20%.

2.4. Đến hết năm 2040

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 80%.

b) Phát triển nguồn lực

- Phân đầu đạt 1,5% tổng chi ngân sách xã hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.
- 97% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm.
- 80% - 90% dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...).
- Có 100% đối với các cơ sở giáo dục mầm non đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên.

- Có 100% các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo vào các môn học và hoạt động giáo dục.

- Có 100% cơ sở giáo dục trung học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo hoạt động thường xuyên.

c) Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

- Viết và ứng dụng sáng kiến kinh nghiệm, có sản phẩm khoa học kỹ thuật cấp Thành phố (Các trường THCS thực hiện): 10 sản phẩm/năm.

- Có $\geq 70\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.

- Ứng dụng AI, IoT, Big Data,... trong quản lý môi trường, xã thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

d) Phát triển chuyển đổi số

- 100% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- Có $\geq 95\%$ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số.
- 100% người dân có tài khoản định danh điện tử, tỷ lệ người dân có chữ ký số đạt 30%.

2.5. Đến hết năm 2045

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 100%.

b) Phát triển nguồn lực

- Đạt trên 1,5% tổng chi ngân sách xã hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- 100% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Có $\geq 90\%$ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...).

c) Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

- Viết và ứng dụng sáng kiến kinh nghiệm, có sản phẩm khoa học kỹ thuật cấp Thành phố (Các trường THCS thực hiện): 10 sản phẩm/năm.

- Có $\geq 90\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.

d) Phát triển chuyển đổi số

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- 100% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.

- 100% doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số.

- 100% người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID), tỷ lệ người dân có chữ ký số đạt 40%.

- Ứng dụng AI, IoT và Big Data ở mức độ cao trong hệ thống đảng số, chính quyền số giúp xây dựng các hệ thống quản trị thông minh, tự động hóa ra quyết định dựa trên dữ liệu thời gian thực, tối ưu hóa quy trình vận hành và nâng cao chất lượng các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và dịch vụ công.

- Dịch vụ y tế, giáo dục, an sinh xã hội đạt chuẩn tiên tiến, người dân hưởng thụ môi trường sống hiện đại, an toàn, tiện ích.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1.1. Thành lập Ban Chỉ đạo xã về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do đồng chí Bí thư Đảng ủy xã làm Trưởng ban.

Bố trí cán bộ có trình độ, năng lực về khoa học, kỹ thuật vào Ban Chấp hành Đảng bộ xã.

1.2. Ban hành kế hoạch, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện, phân công rõ trách nhiệm cho các tổ chức đảng, đoàn thể, các thôn.

1.3. Lồng ghép các nội dung trong Nghị quyết số 57-NQ/TW vào các kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của xã.

1.4. Thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành giữa các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể; giao trách nhiệm, lộ trình cụ thể trong việc triển khai thực hiện.

2. Nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị, thông tin, truyền thông

2.1. Tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản liên quan sâu rộng trong toàn hệ thống chính trị, đến từng cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân.

- Nội dung quán triệt cần tập trung vào các vấn đề cốt lõi của Nghị quyết số 57-NQ/TW, gắn với thực tiễn của xã.

- Hình thức quán triệt cần đa dạng, phong phú (hội nghị, cuộc họp, tập huấn, tài liệu, video...) cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; phổ biến đến cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong hoạt động thông tin, tuyên truyền.

- Mời chuyên gia có kinh nghiệm thực tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tham gia chia sẻ, trao đổi.

2.2. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW. Đưa kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW vào tiêu chí đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng cán bộ, công chức.

2.3. Đẩy mạnh tuyên truyền về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền: Đài phát thanh, cổng thông tin điện tử, fanpage facebook, zalo... để phổ biến lợi ích của phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Xây dựng chuyên mục trên cổng thông tin điện tử về khoa học-công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; xây dựng chương trình tuyên truyền riêng cho từng đối tượng (cán bộ lãnh đạo, chuyên viên, doanh nghiệp, người dân...).

- Triển khai sâu rộng phong trào “Bình dân học vụ số”, phổ cập, nâng cao tri thức số, tri thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân trên địa bàn.

- Vận động Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các doanh nghiệp tham gia tuyên truyền; lồng ghép với phong trào thi đua yêu nước, khởi nghiệp sáng tạo.

- Khởi dậy các phong trào thi đua, mở rộng, đa dạng các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời, xứng đáng đối với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, các mô hình tiêu biểu, điển hình trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã.

3. Triển khai thực hiện các chính sách tạo đột phá, đảm bảo nguồn lực

- Kịp thời triển khai các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thuộc thẩm quyền của xã ngay khi có hướng dẫn của cấp trên.

- Có cơ chế hỗ trợ hộ kinh doanh, doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp; rà soát, cắt giảm các thủ tục không cần thiết; ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, giảm thời gian xử lý hồ sơ, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, phi địa giới hành chính.

- Bố trí đủ nguồn lực để triển khai các nội dung, nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch hành động. Tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu, quy định; lồng ghép với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội.

4. Triển khai các ứng dụng, dịch vụ số

- Đưa các hoạt động của cơ quan đảng, nhà nước lên môi trường mạng, hướng tới hiệu lực, hiệu quả, công khai, minh bạch; công tác chỉ đạo, điều hành trực tuyến, dựa trên dữ liệu đồng bộ, liên thông.

- Ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề môi trường, xã hội. Thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến

phát triển xanh, bền vững. Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong lĩnh vực văn hóa, trong quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá.

5. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

- Thực hiện các chính sách ưu đãi, tạo môi trường thuận lợi thu hút người có chuyên môn về khoa học, công nghệ làm việc tại xã, giữ chân nhân tài.
- Triển khai thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng số, kiến thức chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp.
- Triển khai chương trình đào tạo kỹ năng số (quản trị dữ liệu, sử dụng nền tảng số...) cho lãnh đạo các cấp; tham gia các lớp tập huấn định kỳ.
- Chủ động học tập kinh nghiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

6. Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, chi tiết, phân công rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ kết quả và rõ trách nhiệm

6.1. Kế hoạch từng giai đoạn 05 năm thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số của xã và Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng

- Triển khai các nền tảng số dùng chung, cơ sở dữ liệu số dùng chung, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị của xã, đẩy mạnh cải cách hành chính, rà soát, tái cấu trúc, số hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ dựa trên công nghệ số.
- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tổng hợp, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định.
- Khuyến khích xã hội hóa, hợp tác công - tư trong phát triển hạ tầng số.
- Triển khai hiệu quả Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng theo Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 19/11/2024 của Ban Bí thư góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo, điều hành của cấp uỷ các cấp và hoạt động của các cơ quan đảng, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong Đảng.

6.2. Kế hoạch triển khai các chương trình, đề án cụ thể

- Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử...).
- Xây dựng thương hiệu số cho sản phẩm chủ lực, áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc, IoT, blockchain trong nông nghiệp, chế biến...
- Triển khai các công cụ phân tích dữ liệu (Big Data, AI) để dự báo, đánh giá thị trường, nâng cao hiệu quả marketing.
- Chủ động xây dựng và triển khai các sáng kiến mang lại hiệu quả thiết thực.
- Đẩy mạnh các hoạt động kết nối doanh nghiệp, tổ chức đối thoại với các doanh nghiệp.

7. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng

Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

8. Giám sát, đánh giá và tuyên truyền

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đã đề ra tại Kế hoạch hành động, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Kịp thời kiến nghị, đề xuất điều chỉnh về cơ chế, chính sách, văn bản quy định khi phát hiện ra các dấu hiệu có thể không đạt được các mục tiêu, yêu cầu đã đặt ra. Ban hành quy chế, xây dựng cơ chế giám sát, thành lập đoàn kiểm tra định kỳ, báo cáo kết quả theo tháng, quý, 6 tháng, 1 năm. Thực hiện sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, điều chỉnh kịp thời mục tiêu, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Minh bạch về quản lý, sử dụng kinh phí.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò, kết quả của việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số xã

- Chỉ đạo chung: Lãnh đạo, điều hành thống nhất việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW; ban hành các kế hoạch, đơn đốc, phối hợp các cơ quan, đơn vị để bảo đảm tiến độ, chất lượng thực hiện Kế hoạch hành động.

- Tham mưu cho Ban Thường vụ Đảng ủy: Kịp thời đề xuất, tham mưu về giải pháp thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số khi có khó khăn, vướng mắc; báo cáo tiến độ định kỳ hoặc đột xuất.

- Kiểm tra, giám sát, đơn đốc: Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm hoặc đột xuất tại các cơ quan, đơn vị; chỉ đạo xử lý kịp thời những sai sót, chậm trễ.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết: Hướng dẫn, tổng hợp, đánh giá kết quả sau mỗi giai đoạn (hàng tháng, hàng quý, 6 tháng, hàng năm, giữa nhiệm kỳ, cuối nhiệm kỳ), báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy và Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo Thành phố khi có yêu cầu.

2. Trách nhiệm của Thường trực Đảng ủy

- Chỉ đạo, định hướng chung: Thường trực Đảng ủy trực tiếp chỉ đạo Ban Chỉ đạo, Ủy ban nhân dân xã, các ban đảng, các cấp ủy trực thuộc trong việc quán triệt, triển khai hiệu quả Kế hoạch hành động; định kỳ hoặc đột xuất nghe Ban Chỉ đạo báo cáo về tiến độ, kết quả, những vấn đề phức tạp, đột xuất phát sinh liên quan đến triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Quyết định số 204-QĐ/TW của Ban Bí thư.

- Quyết định các vấn đề quan trọng: Chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp khi có sự thay đổi lớn về bối cảnh (chính sách, công nghệ, điều kiện kinh tế-xã hội...); xem xét, cho ý kiến về chính sách khuyến khích, cân đối nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm: Chỉ đạo các ban đảng (Ủy ban Kiểm tra, Ban Xây dựng Đảng...) phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo để kiểm tra, giám sát; xử lý tập thể, cá nhân vi phạm hoặc trì trệ trong thực hiện Kế hoạch hành động.

- Trực tiếp chỉ đạo việc khen thưởng, biểu dương điển hình, xử lý sai phạm (nếu có) trong quá trình triển khai.

3. Trách nhiệm của các chi, đảng bộ trực thuộc

- Trên cơ sở Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Đảng ủy xây dựng Kế hoạch cụ thể phù hợp với tình hình của đơn vị, địa phương; đồng thời quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW đến cán bộ, đảng viên, Nhân dân.

- Định kỳ hằng tháng, hằng quý, 6 tháng, hằng năm đánh giá kết quả thực hiện tại địa phương, đơn vị; biểu dương những điển hình tốt; đề xuất giải pháp mới; báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW cho Ban Chỉ đạo xã. Chuẩn bị các điều kiện phục vụ đoàn kiểm tra, giám sát do Ban Chỉ đạo xã và cấp trên trong công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- Tạo điều kiện, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên, đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp... tham gia tích cực vào các phong trào đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

4. Trách nhiệm của các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy

- Văn phòng Đảng ủy: Thực hiện vai trò Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo, kiện toàn tổ chức bộ máy đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng các chương trình, kế hoạch để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số xã theo giai đoạn 10 năm, tầm nhìn đến năm 2045 trình Ban Chỉ đạo ban hành; phối hợp với Văn phòng HĐND-UBND xã trong tổng hợp, theo dõi, kiểm tra tiến độ, báo cáo Ban Chỉ đạo theo quy chế làm việc của Đảng ủy; bảo đảm thông tin kịp thời, thông suốt. Phối hợp tham mưu cho Ban Thường vụ Đảng ủy chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng theo Quyết định số 204-QĐ/TW của Ban Bí thư.

- Ban Xây dựng Đảng: Tham mưu, đề xuất những giải pháp về công tác cán bộ để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tham mưu bố trí cán bộ có trình độ khoa học, kỹ thuật giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý, tham gia vào cấp ủy; phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực đảm bảo khả năng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hệ thống cơ quan đảng.

- Chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo để quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 57- NQ/TW.

- Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy: Tham mưu xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm đối với các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Đảng ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo quy định; đề xuất xử lý trách nhiệm các đơn vị, cá nhân chậm hoặc chưa triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã

- Cụ thể hóa nội dung Kế hoạch hành động: Căn cứ Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Đảng ủy thực hiện rà soát, điều chỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện từng giai đoạn 05 năm (trước mắt là giai đoạn 2025-2030), trong đó cụ thể nhiệm vụ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số từng năm theo phương châm “6 rõ” (rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ kết quả, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền); phân bổ ngân sách, huy động nguồn lực xã hội, bảo đảm tính khả thi khi thực hiện. Kế hoạch giai đoạn 2025-2030 yêu cầu hoàn thành, báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy trong tháng 9/2025.

- Tham mưu, đề xuất với Ban Chỉ đạo về những giải pháp, cơ chế, chính sách cần sửa đổi hoặc ban hành mới phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thường xuyên báo cáo Ban Chỉ đạo về kết quả triển khai, các khó khăn, vướng mắc; xin ý kiến chỉ đạo kịp thời.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao; tổ chức kiểm tra, đôn đốc tiến độ, chất lượng thực hiện; xử lý, tháo gỡ vướng mắc, bảo đảm các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra; Chỉ đạo kiện toàn và duy trì hoạt động hiệu quả của các “Tổ công nghệ số cộng đồng” để thực hiện “cầm tay chỉ việc”, hỗ trợ, giải đáp vướng mắc kịp thời cho cán bộ và người dân tại cơ sở.

- Thực hiện chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết: Định kỳ hằng tháng, hằng quý, 6 tháng, hằng năm hoặc đột xuất, báo cáo Ban Chỉ đạo và Thường trực Đảng ủy về kết quả triển khai, kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả; chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết các chương trình, đề án theo từng giai đoạn; khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu; đề xuất điều chỉnh Kế hoạch nếu thấy cần thiết.

6. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã

- Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, doanh nghiệp và Nhân dân hưởng ứng các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Đảng ủy.

- Phát động phong trào thi đua sáng tạo, khởi nghiệp; tăng cường giám sát và phản biện xã hội trong quá trình thực hiện.

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, Đoàn thanh niên, các hội,... phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ số tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn kỹ năng số cho tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh... và các đối tượng có liên quan.

7. Chế độ thông tin, báo cáo, sơ kết, tổng kết

- Thông tin, báo cáo: Các chi, đảng bộ trực thuộc Đảng ủy báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch hành động theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo xã và hướng dẫn của

Thành phố; Đảng ủy Ủy ban nhân dân xã, Văn phòng Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc xã thường xuyên theo dõi, chủ động thực hiện cập nhật thông tin báo cáo trên Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57- NQ/TW theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Trung ương đảm bảo đúng tiến độ.

Các cấp ủy, tổ chức đảng, Ủy ban nhân dân, cơ quan, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc xã báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch hành động theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo xã và hướng dẫn của Thành phố; Ban Chỉ đạo tổng hợp, báo cáo Thường trực Đảng ủy, đồng thời gửi báo cáo về Ban Chỉ đạo Thành phố và cập nhật vào hệ thống giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng dẫn của Trung ương.

- Kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết: Hằng năm, Ban Chỉ đạo tổ chức kiểm tra tại một số cơ quan, đơn vị trọng điểm; phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm; có thể điều chỉnh một số mục tiêu, nhiệm vụ nếu cần. Giữa và cuối nhiệm kỳ hoặc định kỳ 2 năm, 5 năm tổ chức sơ kết, tổng kết theo giai đoạn trên phạm vi toàn xã; biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu, đồng thời đề xuất phương hướng cho giai đoạn tiếp theo.

8. Kinh phí thực hiện và nguồn lực hỗ trợ

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch hành động được bố trí từ ngân sách xã (chi cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số...) và nguồn xã hội hóa hợp pháp khác (đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân).

- Linh hoạt, minh bạch, công khai trong quản lý, sử dụng kinh phí; tăng cường kiểm tra, giám sát để tránh lãng phí, tiêu cực.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Thành ủy (để báo cáo),
- Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã,
- HĐND, UBND xã,
- Các phòng, ban xã,
- Các chi, đảng bộ trực thuộc,
- Lưu VPĐU.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Nguyễn Thế Tài

PHỤ LỤC PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

(Kèm theo Kế hoạch hành động số -KH/ĐU, ngày tháng 9 năm 2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy)

Phụ lục 1: Phân công chủ trì, theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu

TT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Đồng chí được phân công chỉ đạo	Đồng chí được phân công chủ trì	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Sản phẩm đầu ra
I. PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG										
1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn xã.	≥60%	100%	100%	100%	100%	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã	Đồng chí Trưởng phòng VHXXH	Phòng Văn hoá - Xã hội	Số liệu báo cáo
2	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s.	≥60%	100%	100%	100%	100%	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã	Đồng chí Trưởng phòng VHXXH	Phòng Văn hoá - Xã hội	Số liệu báo cáo
3	Tỉ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn xã.	-	-	50%	80%	100%	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã	Đồng chí Trưởng phòng VHXXH	Phòng Văn hoá - Xã hội	Số liệu báo cáo
II. PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC										
4	Tỉ lệ chi cho KHCN, ĐMST, CDS trong tổng chi ngân sách xã.	Phần đầu 2%	Phần đầu 3%	Đạt 3%	Đạt trên 3%	Đạt trên 3,5%	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách khối Kinh tế	Đồng chí Trưởng phòng Kinh tế	Phòng Kinh tế	Số liệu báo cáo

5	Tỷ lệ cán bộ, công chức xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.	80%	100%	100%	100%	100%	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách khối VHXXH	Đồng chí Trưởng phòng VHXXH	Phòng Văn hoá - Xã hội	Số liệu báo cáo
6	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.	80%	100%	100%	100	100%	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách khối VHXXH	Đồng chí Trưởng phòng VHXXH	Phòng Văn hoá - Xã hội	Số liệu báo cáo
7	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.	80%	90%	95%	97%	100%	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách khối VHXXH	Đồng chí Trưởng phòng VHXXH, Trưởng phòng KT	Phòng VHXXH, Phòng KT	Số liệu báo cáo
8	Tỷ lệ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số...	-	-	-	80-90%	≥90%	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách khối VHXXH	Đồng chí Trưởng phòng VHXXH	Phòng Văn hoá - Xã hội	Số liệu báo cáo
9	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên.	≥75%	≥95%	100%	100%	-	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách khối VHXXH	Đồng chí Trưởng phòng VHXXH	Phòng Văn hoá - Xã hội	Số liệu báo cáo
10	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ quan quản lý giáo dục đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên.	≥70%	≥90%	≥95%	100%	-	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách khối VHXXH	Đồng chí Trưởng phòng VHXXH	Phòng Văn hoá - Xã hội	Số liệu báo cáo
11	Tỷ lệ cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số; cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số.	≥90%	100%	-	-	-	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách khối VHXXH	Đồng chí Trưởng phòng VHXXH	Phòng Văn hoá - Xã hội	Số liệu báo cáo
12	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học.	≥80%	-	-	-	-	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách khối VHXXH	Đồng chí Trưởng phòng VHXXH	Phòng Văn hoá - Xã hội	Số liệu báo cáo

13	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên triển khai các chương trình giảng dạy về kỹ năng số cho học sinh (học viên) phù hợp với quy định của Bộ GDĐT quy định tại thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 về Khung năng lực số cho người học.	-	100%	-	-	-	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách khối VHXXH	Đồng chí Trưởng phòng VHXXH	Phòng Văn hoá - Xã hội	Số liệu báo cáo
14	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo vào các môn học và hoạt động giáo dục.	-	≥95%		100%	-	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách khối VHXXH	Đồng chí Trưởng phòng VHXXH	Phòng Văn hoá - Xã hội	Số liệu báo cáo
15	Tỷ lệ cơ sở giáo dục trung học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo hoạt động thường xuyên.	-	≥85%	≥95%	100%	-	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách khối VHXXH	Đồng chí Trưởng phòng VHXXH	Phòng Văn hoá - Xã hội	Số liệu báo cáo
16	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học.	-	100%	-	-	-	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách khối VHXXH	Đồng chí Trưởng phòng VHXXH	Phòng Văn hoá - Xã hội	Số liệu báo cáo
II. PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO										
17	Viết và ứng dụng sáng kiến kinh nghiệm, có sản phẩm khoa học kỹ thuật cấp Thành phố (Các trường THCS thực hiện)	1	3	5	10	10	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách khối VHXXH	Đồng chí Trưởng phòng VHXXH	Phòng Văn hoá - Xã hội	Số liệu báo cáo
18	Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp.	-	40%	-	-	-	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách khối VHXXH	Đồng chí Trưởng phòng VHXXH, Trưởng phòng KT	Phòng Văn hoá - Xã hội	Số liệu báo cáo

19	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.	≥15%	≥30%	≥50%	≥70%	≥90%	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách khối VHXXH	Đồng chí Trưởng phòng VHXXH, Trưởng phòng KT	Phòng VHXXH, Phòng KT	Số liệu báo cáo
III. PHÁT TRIỂN CHUYỂN ĐỔI SỐ										
20	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính trong phạm vi Thành phố	≥70%	100%	100%	100%	100%	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách khối VHXXH	Đồng chí Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị	Các cơ quan, đơn vị	Số liệu báo cáo
21	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.	100%	100%	100%	100%	100%	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách khối VHXXH	Đồng chí Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị	Phòng VHXXH, Phòng KT	Số liệu báo cáo
22	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.	≥70%	100%	100%	100%	100%	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách khối VHXXH	Đồng chí Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị	Các cơ quan, đơn vị	Số liệu báo cáo
23	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.	≥80%	100%	100%	100%	100%	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách khối VHXXH	Đồng chí Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị	Các cơ quan, đơn vị	Số liệu báo cáo
24	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.	100%	100%	100%	100%	100%	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách khối VHXXH	Đồng chí Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị	Các cơ quan, đơn vị	Số liệu báo cáo
25	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.	≥70%	≥85%	≥95%	100%	100%	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách khối VHXXH	Đồng chí Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị	Các cơ quan, đơn vị	Số liệu báo cáo
26	Tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số.	≥30%	60%	≥85%	≥95%	100%	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách khối VHXXH	Đồng chí Trưởng phòng VHXXH, Phòng Kinh tế	Phòng VHXXH, Phòng KT	Số liệu báo cáo

27	Tỷ lệ người dân có chữ ký số	-	$\geq 10\%$	20%	30%	40%	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách khối VHXX	Đồng chí Trưởng Công an xã	Công an xã	Số liệu báo cáo
28	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	$\geq 70\%$	85%	$\geq 95\%$	100%	100%	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách khối VHXX	Đồng chí Trưởng Công an xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị	Công an xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị	Bộ số liệu báo cáo

Phụ lục số 02: Phân công thực hiện các nhiệm vụ

STT	Tên nhiệm vụ	Đồng chí được phân công chỉ đạo	Cá nhân/tổ chức được phân công chủ trì	Sản phẩm đầu ra	Tiến độ thực hiện
1	Kiện toàn Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của xã, có cơ chế, chính sách đãi ngộ phù hợp; bố trí cán bộ có trình độ, năng lực về khoa học, kỹ thuật vào cấp ủy các cấp.	Đồng chí Bí thư Đảng ủy	Văn phòng Đảng ủy	Quyết định	Thường xuyên
3	Tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản liên quan sâu rộng trong toàn hệ thống chính trị, đến từng cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân.	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách khối VHXXH	Đồng chí Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị	Kế hoạch	Thường xuyên
4	Quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 57-NQ/TW trong toàn xã.	Đồng chí Trưởng ban Xây dựng Đảng	Ban Xây dựng Đảng	Kế hoạch	Hằng năm
5	Tham mưu bố trí cán bộ có trình độ khoa học, kỹ thuật giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý, tham gia vào cấp ủy các cấp; phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực đảm bảo khả năng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hệ thống cơ quan đảng.	Đồng chí Trưởng ban Xây dựng Đảng	Ban Xây dựng Đảng	Kế hoạch	Hằng năm
6	Xây dựng Kế hoạch cụ thể của các ngành, đơn vị phù hợp với đặc thù xã, đơn vị dựa trên Kế hoạch hành động chung.	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách khối VHXXH	Đồng chí Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị	Kế hoạch	Hoàn thành trong tháng 9/2025

7	Xây dựng kế hoạch thực hiện, cụ thể hóa của Ủy ban nhân dân xã.	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách khối VHXXH	Đồng chí Trưởng phòng Văn hoá - Xã hội	Kế hoạch của Ủy ban nhân dân xã	Hoàn thành trong tháng 9/2025
8	Bố trí nguồn lực thực hiện Kế hoạch.	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách khối Kinh tế	Đồng chí Trưởng phòng Kinh tế	Kế hoạch	Hàng năm
9	Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng.	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách khối VHXXH	Đồng chí Trưởng Công an xã	Kế hoạch	Hàng năm
10	Thực hiện kiểm tra, giám sát hàng năm đối với việc triển khai Nghị quyết số 57- NQ/TW, Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Đảng ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo quy định; đề xuất xử lý trách nhiệm các đơn vị, cá nhân chậm hoặc chưa triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan.	Đồng chí Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy	Ủy ban kiểm tra Đảng ủy	Kế hoạch	Hàng năm
11	Giám sát và phản biện xã hội hàng năm đối với việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Đảng ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo quy định.	Đồng chí Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam xã	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã	Kế hoạch	Hàng năm
12	Xây dựng các báo cáo Ban chỉ đạo Thành phố và Văn phòng Thành uỷ.	Đồng chí Chánh Văn phòng Đảng ủy	Văn phòng Đảng ủy	Báo cáo	Theo yêu cầu